

Bản án số: 131/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 26 - 6 -2020
V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên Tòa: Bà Trần Thị Hải.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trương Thị Thìn
2. Ông Trần Văn Chánh

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Đỗ Thị Huyền – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa: Bà Đoàn Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 2508/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2019, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 81/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 138/2020/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Ngọc C, sinh năm 1994

Địa chỉ: Số 539A, khu phố L 1, phường T, TP. Biên Hòa, Đồng Nai.

Bị đơn: Anh Nguyễn Thành M, sinh năm 1996

Địa chỉ: Số 539A, khu phố L 1, phường T, TP. Biên Hòa, Đồng Nai.

(Chị C, anh M vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn chị Nguyễn Ngọc C trình bày:

Chị và anh M tự nguyện chung sống với nhau có đăng ký kết hôn vào năm 2016 tại UBND phường Tam Phước, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Vợ

chồng sống với nhau thời gian đầu hạnh phúc. Tuy Nên, từ năm 2018 đến nay thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi nhau. Ngoài ra anh M C thường xuyên sử dụng rượu, bia và chất ma túy, anh hay chửi mắng vợ con và C có hành vi bạo hành đối với chị. Mặc dù vợ chồng đã Nều lần hàn gắn nhưng không được. Nay tình cảm của chị dành cho anh M không C, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị xin ly hôn với anh M.

Về con chung: Chị và anh M có 02 con chung là Nguyễn Ngọc Ánh N, sinh ngày 16/12/2013 và Nguyễn Ngọc Ánh V, sinh ngày 28/9/2016. Ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung. Tạm thời không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do chị bận đi làm nên đề nghị Tòa án cho chị vắng mặt.

Bị đơn anh Nguyễn Thành M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do nên không có ý kiến trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn sơ thẩm: Đảm bảo theo đúng quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết tranh chấp: Cuộc sống vợ chồng giữa chị C và anh M phát sinh mâu thuẫn không thể hàn gắn, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị C; giao con chung là cháu Nguyễn Ngọc Ánh N, sinh ngày 16/12/2013 và Nguyễn Ngọc Ánh V, sinh ngày 28/9/2016 cho chị C trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng, tạm thời anh M không cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung, nợ chung chị C trình bày không có nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo qui định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:** Chị Nguyễn Thị C khởi kiện về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” đối với anh Nguyễn Thành M hiện đang trú tại: Số 539A, khu phố L 1, phường T, TP. Biên Hòa, Đồng Nai. Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa.

[2] **Về thủ tục tố tụng:** Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng cho anh M đầy đủ, tuy Nên anh M vắng mặt không có lý do

chính đáng, nên Tòa án xử vắng mặt theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, chị C có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Tòa án xử vắng mặt theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] **Về quan hệ hôn nhân:** Chị C và anh M tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn với nhau vào năm 2016 tại UBND phường Tam Phước, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ vào Điều 8 và Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên xác định là hôn nhân hợp pháp.

Theo xác minh tại địa phương xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị C và anh M có xảy ra hay không thì địa phương không nắm được vì chị C và anh M không yêu cầu giải quyết.

Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã Nêu lần triệu tập anh M đến Tòa để làm việc, dự phiên họp về Tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để hai anh chị có điều kiện gặp gỡ thỏa thuận, đoàn tụ nhưng anh M không đến. Điều này chứng tỏ chị C và anh M không yêu thương, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau trong cuộc sống. Như vậy, tình trạng hôn nhân giữa chị C và anh M là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì đây là căn cứ để Tòa án cho ly hôn. Vì vậy, cần chấp nhận cho chị C được ly hôn với anh M.

[4] **Về con chung:** Chị C và anh M có 02 con chung là Nguyễn Ngọc Ánh N, sinh ngày 16/12/2013 và Nguyễn Ngọc Ánh V, sinh ngày 28/9/2016. Chị C có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung. Anh M không đến Tòa án làm việc cũng không có bản tường trình về yêu cầu giải quyết con chung. Do đó, giao 02 con chung cho chị C trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng. Tạm thời anh M không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[5] **Về tài sản chung, nợ chung:** Theo chị C trình bày tài sản chung, nợ chung không có. Tuy Nên, do anh M vắng mặt tại phiên tòa, không có lời khai nên không có cơ sở để xem xét giải quyết. Do vậy, cần tách ra để giải quyết bằng vụ án khác khi các bên đương sự có yêu cầu.

[6] **Về án phí:** Chị Nguyễn Thị C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn.

[7] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; áp dụng Điều 357, Điều 467 của Bộ luật dân sự.

- Áp dụng các Điều 8, Điều 9, Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 57 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” của nguyên đơn chị Nguyễn Thị C. Chị Nguyễn Thị C được ly hôn với Nguyễn Thành M.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Ngọc Ánh N, sinh ngày 16/12/2013 và Nguyễn Ngọc Ánh V, sinh ngày 28/9/2016 cho chị Nguyễn Thị C trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng.

Không ai được ngăn cản quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung của anh Nguyễn Thành M.

Khi cần thiết các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chưa thành niên.

Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra xem xét, giải quyết

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị C phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn và được khấu trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí mà chị C đã nộp theo phiếu thu số 0001026 ngày 11/11/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa. Chị C đã nộp xong án phí.

Chị Nguyễn Thị C và anh Nguyễn Thành M có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhân:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND thành phố Biên Hòa;
- Thi hành án DS thành phố Biên Hòa;
- UBND P. Tam Phước, TP. Biên Hòa,
- T. Đồng Nai (số ĐKKH 83, ngày 28/5/2016);
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Hải